TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1073/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/10/2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Mỹ Kiều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Minh Hiền

2. Ông Trần Minh Đức

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lan Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 512/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Mai Thị Huyền T, sinh năm 1990; cư trú tại: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh *(có mặt)*.

- *Bị đơn*: Ông Trương Hữu M, sinh năm 1987; cư trú tại: đường D, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đơn phương ly hôn đề ngày 17/5/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Mai Thị Huyền T trình bày: Bà và ông Trương Hữu M kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minhtheo Giấy chứng nhận kết hôn số 139/2016, ngày 01/12/2016. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống tại đường D, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà và ông M chung sống được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông M không quan tâm tới gia đình, không lo làm ăn phụ giúp gia đình. Bà đã nhiều lần nói chuyện với ông M và nhờ gia đình hai bên khuyên nhủ để ông M thay đổi tính tình nhưng ông M không hề thay đổi.

Do không thể chịu đựng cuộc sống chung với ông M nên từ tháng 10/2017 bà đã về nhà cha mẹ sống và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà T khai bà và ông M không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có.

Bị đơn, ông Trương Hữu M mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa, bà Mai Thị Huyền T vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông M vì trong thời gian chung sống hai bên đã phát sinh rất nhiều mâu thuẫn. Một mình bà phải lo về kinh tế cho cả gia đình mà không hề nhận được sự quan tâm, chia sẻ từ ông M. Hơn nữa, vợ chồng bà sống chung cùng gia đình chồng, giữa bà và gia đình chồng cũng bất hòa nên khiến cuộc sống càng ngột ngạt, căng thẳng hơn. Bà và ông M đã ly thân, không chung sống với nhau từ hơn 01 năm nay, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục nên không thể tiếp tục chung sống. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có.

Ông Trương Hữu M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Yêu cầu của Bà T là có cơ sở, phù hợp pháp luật, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có. Về án phí Bà T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn – bà Mai Thị Huyền T nộp đơn xin ly hôn với bị đơn là ông Trương Hữu M. Ông M hiện đang cư trú tại địa chỉ đường D, Phường E, quận

G, Thành phố Hồ Chí Minh, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trương Hữu M không đến Tòa án để giải quyết mặc dù đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập để trình bày ý kiến, thông báo tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Hữu M.

Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 139/2012, ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân của bà Mai Thị Huyền T và ông Trương Hữu M là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà T trình bày: Trong quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn do ông M không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, phụ giúp kinh tế gia đình, khiến cho bà T bị áp lực nặng nề trong cuộc sống. Mặc dù bà T cùng hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ ông M nhưng ông M vẫn không thay đổi tính tình. Cả hai đã ly thân 01 năm nay nên khó có cơ hội hàn gắn tình cảm. Xét thấy, trong quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông M không còn sự quan tâm, chia sẻ và tôn trọng nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Phía Bà T kiên quyết xin ly hôn, ông M không có mặt khi Tòa án triệu tập và cũng không có bất cứ ý kiến trình bày nào đối với yêu cầu ly hôn của Bà T, thể hiện ông M không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của Bà T là có căn cứ nên chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Bà T khai bà và ông M không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có. Ông M vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008387 ngày 28/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Mai Thị Huyền T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Huyền T được ly hôn với ông Trương Hữu M.

- Về quan hệ con chung: Bà T khai bà và ông M không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm do bà Mai Thị Huyền T phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0008387 ngày 28/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Mai Thị Huyền T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Hữu M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mỹ Kiều